

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

MỤC LỤC **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2010

	<u>Trang</u>
✓ Bảng cân đối kế toán	1 - 2
✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
✓ Báo cáo lưu chuyển tiền chuyển tiền tệ	4
✓ Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

03 Hải Dương - Bình Ngọc - Tuy Hòa - Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		372.954.330.131	68.133.510.247
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		647.524.792	15.499.998.484
1.	Tiền	111	VI.1	647.524.792	15.499.998.484
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		346.669.722.828	16.625.112.864
1.	Phải thu khách hàng	131	VI.2	331.800.652.892	9.181.071.148
2.	Trả trước cho người bán	132	VI.3	5.925.461.146	1.882.936.807
3.	Các khoản phải thu khác	135	VI.4	8.943.608.790	5.561.104.909
IV.	Hàng tồn kho	140		7.128.422.569	12.235.040.134
1.	Hàng tồn kho	141	VI.5	7.128.422.569	12.235.040.134
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.508.659.942	23.773.358.765
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	12.594.053.052	17.082.734.465
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		898.780.299	4.006.384.536
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	5.015.826.591	2.684.239.764
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.117.242.656.963	968.255.004.100
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II.	Tài sản cố định	220		969.537.984.672	735.724.634.439
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	891.148.764.719	325.602.774.227
	Nguyên giá	222		938.164.159.786	351.086.017.709
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.015.395.067)	(25.483.243.482)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.9	52.999.560.779	62.558.171.890
	Nguyên giá	225		76.433.828.272	83.471.825.578
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(23.434.267.493)	(20.913.653.688)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		0	0
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	25.389.659.174	347.563.688.322
III.	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	199.000.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		147.704.672.291	33.530.369.661
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	142.044.245.686	27.300.005.056
2.	Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	5.660.426.605	6.230.364.605
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.490.196.987.094	1.036.388.514.347

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

03 Hải Dương - Bình Ngọc - Tuy Hòa - Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010.

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.152.209.568.490	931.796.155.907
I. Nợ ngắn hạn		310		379.791.391.054	303.444.055.191
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	VI.13	131.957.824.574	152.649.038.000
2. Phải trả người bán		312	VI.14	39.197.200.845	50.766.269.527
3. Người mua trả tiền trước		313	VI.15	1.768.471.359	1.706.536.150
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	VI.16	106.427.683.648	7.263.362.960
5. Phải trả người lao động		315		3.533.694.958	4.071.600.519
6. Chi phí phải trả		316	VI.17	65.330.251.238	46.263.755.521
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	VI.18	31.576.264.432	40.723.492.514
II. Nợ dài hạn		330		772.418.177.436	628.352.100.716
1. Phải trả dài hạn khác		333		47.870.346.200	0
2. Vay và nợ dài hạn		334	V.19	723.710.552.236	627.563.550.716
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		837.279.000	788.550.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		337.987.418.604	104.592.358.440
I. Vốn chủ sở hữu		410		337.987.418.604	104.592.358.440
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.20	290.020.000.000	83.020.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.21	47.967.418.604	21.572.358.440
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.490.196.987.094	1.036.388.514.347

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			



Tỉnh Phú Yên, ngày 24 tháng 10 năm 2010

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN

Kế toán trưởng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán quý III năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		315.660.181.636	482.551.894.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		206.486.874	644.818.278
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	315.453.694.762	481.907.076.505
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	242.477.399.605	339.860.921.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.976.295.157	142.046.154.835
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	160.034.720	9.114.060.394
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	25.693.236.450	62.977.253.538
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		25.693.236.450	62.977.253.538
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	11.248.117.096	31.573.871.193
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	9.866.526.763	24.813.843.036
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.328.449.568	31.795.247.462
11. Thu nhập khác	31	VII.7	6.251.494.916	43.519.299.984
12. Chi phí khác	32		5.797.243.521	11.069.637.524
13. Lợi nhuận khác	40		454.251.395	32.449.662.460
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.782.700.963	64.244.909.922
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	6.695.675.241	16.061.227.481
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.087.025.722	48.183.682.442

Tính Phú Yên, ngày 24 tháng 10 năm 2010



VŨ THÀNH HOÀNG CHƯNG
 Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 04 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		26.782.700.963	64.244.909.922
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.458.646.106	18.657.329.936
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(63.670.316.919)	(63.694.994.108)
- Chi phí lãi vay	06		25.693.236.450	62.977.253.538
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(7.735.733.400)	82.184.499.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.181.301.643	(100.668.976.381)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		397.591.470	5.516.137.455
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		70.666.688.284	165.774.765.768
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.182.865.277	26.680.129.962
- Tiền lãi vay đã trả	13		(26.942.772.702)	(59.816.914.636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(21.451.993)	(7.306.261.442)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.970.649.329	6.970.649.329
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(188.153.895.876)	(188.285.217.856)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(117.454.757.968)</u>	<u>(68.951.188.513)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và			(8.031.196.421)	(19.915.650.262)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			24.677.189
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(8.031.196.421)</u>	<u>(19.890.973.073)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		196.325.830.353	292.659.802.395
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.754.598.292)	(207.157.485.821)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(7.437.268.700)	(11.512.628.680)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>125.133.963.361</u>	<u>73.989.687.894</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<u>(351.991.028)</u>	<u>(14.852.473.692)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		999.515.820	15.499.998.484
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70		<u>647.524.792</u>	<u>647.524.792</u>

Phú Yên, ngày 24 tháng 10 năm 2010



VŨ THANH HOÀNG CHƯNG
Tổng Giám đốc

HUỲNH SỸ CHIẾN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2010

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý III năm 2010 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch
- **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi, dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ, dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại. Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

Mua bán: hoa, cây cảnh, lương thực, thực phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa. Đồ uống, rượu, bia, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, đồ kim khí, thiết bị văn phòng, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh.

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Sản xuất nước đá, cà phê. Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ tắm hơi, massage. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng.

Hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa. Đại lý và điều hành tua du lịch. Kinh doanh dịch vụ khách sạn. mua bán sách, báo, giấy viết (mua bán sách, tạp chí, bản đồ, báo chí, sách giáo khoa, giấy viết). Nhập khẩu mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu và chăm sóc sắc đẹp cho nam, nữ. Đại lý mua bán vé máy bay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 là năm tài chính thứ nhất của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc;

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo ngày	31/12/2009:	VND/USD
	30/09/2010 :	VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và được lập 100% giá trị không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

8. Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư gồm giá mua chi phí thu mua và phần giá trị lợi thế được đánh giá lại phù hợp với Quyết định của Nhà nước.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

13. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	328.517.442	240.248.294
Tiền mặt tại VND	328.517.442	240.248.294
(b) Tiền gửi ngân hàng	319.007.350	15.259.750.190
Ngân hàng Ngoại Thương	236.728.672	137.569.881
– Tiền VND	236.728.672	137.569.881
Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	929.861	6.637.061
– Tiền VND	929.861	6.637.061
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	53.680.505	15.026.704.101
– Tiền VND	53.680.505	15.026.704.101
Ngân hàng Công Thương	21.445.140	86.836.564
– Tiền VND	21.445.140	86.836.564
Ngân hàng Đông Á	1.889.723	1.000.000
– Tiền VND	1.889.723	1.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	4.333.449	1.002.583
– Tiền VND	4.333.449	1.002.583
Cộng	647.524.792	15.499.998.484

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hưng tài chính	-	100.000.000
Nguyễn Thị Niệm	-	51.379.805
Cước vận chuyển	-	26.806.349
Phải thu khách hàng bộ phận Sinh thái	-	99.000.100
Phải thu khách hàng bộ phận siêu thị	94.742.797	-
Phải thu khách hàng bộ phận suga	92.399.559	-
Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	532.199.351	296.204.000
Bộ phận xe khách Tuy Hoà	732.705.011	111.523.000
Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	302.222.034	208.205.000
Bộ phận vận tải hành khách Quy Nhơn	715.049.054	51.092.000
Khách hàng khách sạn	1.349.868.623	130.239.881
Phải thu khách hàng bộ phận Taxi	10.046.744	-
Công ty TNHH CHC	326.905.623.608	-
Các khách hàng khác	1.065.796.111	177.791.569
Cty CP Du lịch-Địa ốc Thuận Thảo	-	317.009.461
Cty CP Đầu tư-Du lịch Thuận Thanh	-	7.611.819.983
Cộng	<u>331.800.652.892</u>	<u>9.181.071.148</u>

3. Trả trước cho người bán

CN Bảo Kinh tế Việt Nam	100.000.000	100.000.000
Cty Tiến Đạt	-	251.633.000
CN Cty CP TT và Thẩm Định giá Miền Trung	100.000.000	100.000.000
Cty CP Xây dựng kiến trúc AA	-	319.000.000
Cty TNHH XDXL Thế Minh	145.751.465	-
DNTN TM Bích Thủy	697.862.599	-
DNTN SX&TM ĐôMi	163.427.000	163.427.000
Cty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	300.000.000	-
Cty Cổ phần Nam Đồ	-	36.000.000
Cty TNHH TM SX Sao Nam	742.000.400	742.000.400
Cty 3.2	404.205.712	-
DNTN TM An Phát	1.905.000.000	-
Hiệu buôn Kiều Nga	255.386.575	-
DNTN Đắc Tín	234.179.020	-
Trần Ngọc Tài	500.000.000	-
Các khách hàng khác	377.648.375	170.876.407
Cộng	<u>5.925.461.146</u>	<u>1.882.936.807</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

4. Các khoản phải thu khác

Phải thu chi phí làm đường N1	691.888.000	691.888.000
Đền bù đất	5.570.765.632	4.245.721.642
Thuế GTGT thuế tài chính	435.946.652	373.764.261
Bộ phận xe khách Qui Nhơn	23.825.000	-
Bộ phận khách sạn	1.070.596.907	196.637.003
Bộ phận xe khách Sài Gòn	47.955.005	6.173.000
Bộ phận Siêu thị	-	10.610.000
Các khoản khác	1.102.631.594	36.311.003
Cộng	8.943.608.790	5.561.104.909

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	579.885.245	3.227.328.795
Công cụ dụng cụ	3.455.899.945	872.814.731
Sản phẩm dở dang	2.814.500	588.990
Thành phẩm	99.862.418	116.336.965
Hàng hóa	2.989.960.461	8.017.970.653
Cộng	7.128.422.569	12.235.040.134

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đầu kỳ		17.082.734.465
Tăng trong kỳ	10.034.656.072	
Kết chuyển chi phí trong kỳ	14.523.337.485	
Số dư cuối kỳ	12.594.053.052	

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng nhân viên	5.015.826.591	2.684.239.764
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	3.171.508.018	-
Ông Lê Ngọc Hữu	25.700.000	2.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Sinh	2.435.000	36.410.000
Bà Ngô Thị Hồng Sâm	50.550.000	-
Tạm ứng bộ phận khách sạn	85.064.731	165.520.000
Tạm ứng bộ phận Qui Nhơn	118.804.766	-
Tạm ứng bộ phận Sài Gòn	116.655.341	-
Bà Võ Thị Thanh	1.000.000.000	-
Các nhân viên khác	445.108.735	2.480.309.764
Cộng	5.015.826.591	2.684.239.764

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	291.505.233.918	1.778.538.892	29.513.108.287	10.466.887.357	17.822.249.255	351.086.017.709
2. Tăng trong năm	903.071.076.916	5.373.524.467	31.688.439.935	198.204.604	13.208.448.361	953.539.694.283
3. Giảm trong năm	345.643.847.697	505.720.003	9.619.616.899	189.804.727	10.502.562.880	366.461.552.206
4. Số cuối năm	848.932.463.137	6.646.343.356	51.581.931.323	10.475.287.234	20.528.134.736	938.164.159.786
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	11.847.398.399	1.003.220.641	9.405.617.076	881.237.489	2.345.769.877	25.483.243.482
2. Tăng trong năm	17.021.076.074	1.214.223.599	5.037.785.968	820.784.601	2.026.963.147	26.120.833.389
3. Giảm trong năm	147.658.466	-	4.085.487.468	82.613.334	272.922.536	4.588.681.804
4. Số cuối năm	28.720.816.007	2.217.444.240	10.357.915.576	1.619.408.756	4.099.810.486	47.015.395.067
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	279.657.835.519	775.318.251	20.107.491.211	9.585.649.868	15.476.479.378	325.602.774.227
4. Số cuối năm	820.211.647.130	4.428.899.116	41.224.015.747	8.855.878.478	16.428.324.250	891.148.764.719

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	3.901.440.000	71.576.585.333	7.993.800.245	83.471.825.578
2. Tăng trong năm	666.666.667	1.027.228.191	-	1.693.894.858
3. Giảm trong năm	-	8.731.892.164	-	8.731.892.164
4. Số cuối năm	4.568.106.667	63.871.921.360	7.993.800.245	76.433.828.272
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	279.603.199	19.387.414.953	1.246.635.536	20.913.653.688
2. Tăng trong năm	141.862.428	3.758.741.754	2.225.462.556	6.126.066.738
3. Giảm trong năm	-	3.605.452.933	-	3.605.452.933
4. Số cuối năm	421.465.627	19.540.703.774	3.472.098.092	23.434.267.493
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	3.621.836.801	52.189.170.380	6.747.164.709	62.558.171.890
4. Số cuối năm	4.146.641.040	44.331.217.586	4.521.702.153	52.999.560.779

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình Nhà Rôbison	2.724.445.073	-
- Xây dựng Khách sạn	-	309.195.200.649
- Sân khấu Sao Mai	-	17.162.066.382
- Sửa chữa tài sản cố định	22.665.214.101	21.206.421.291
Cộng	<u>25.389.659.174</u>	<u>347.563.688.322</u>

11. Đầu tư vào Công ty con

199.000.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Đầu kỳ		27.300.005.056
Tăng trong kỳ	159.244.707.109	
Kết chuyển chi phí trong kỳ	9.781.159.258	
Kết chuyển vào TS trong kỳ	34.719.307.221	
Số cuối kỳ	<u>142.044.245.686</u>	

13. Tài sản dài hạn khác

Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê Tài chính	5.660.426.605	6.230.364.605
Cộng	<u>5.660.426.605</u>	<u>6.230.364.605</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Trả nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	39.996.000.000	133.865.131.000	99.257.814.000	74.603.317.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	36.600.000.000	92.574.036.457	84.181.961.821	44.992.074.636
Vay cá nhân	7.803.038.000	10.415.634.938	5.929.330.000	12.289.342.938
Nợ dài hạn	-	262.860.000	189.770.000	73.090.000
Cty CP Địa ốc-DL Thuận Thảo	48.250.000.000	-	48.250.000.000	-
Cty CP Đầu tư-DL Thuận Thanh	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	<u>152.649.038.000</u>	<u>237.117.662.395</u>	<u>257.808.875.821</u>	<u>131.957.824.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH TM DV Hòa Khánh	10.851.503	-
DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	3.533.293.416	2.550.357.760
Xăng dầu Phú Thành	2.175.814.066	1.581.319.950
Cty TNHH 1TV VTTT Phú Yên	1.232.081.982	1.243.416.420
Cty CP PA	403.572.633	-
Cty TNHH CKL Việt Nam	618.644.077	-
Cty CP Alpha Nam Sài Gòn	920.000.000	920.000.000
Cty CP Vedan	397.840.903	-
Cty CP nước khoáng Vĩnh Hảo	327.263.404	-
Công ty TNHH XD Thành Sơn	814.930.783	1.862.933.766
Công ty Indochina VN	361.347.848	1.525.059.966
Công ty Hoàng Phương	387.851.740	-
Công ty Đình Long	267.041.000	-
Công ty Thành Nghĩa	180.957.437	-
Phải trả người bán khách sạn	875.250.001	-
Cty TNHH PCCC Vũ Thế	1.372.383.900	-
Cty TNHH MTV Ô tô Chu Lai -Trường Hải	17.150.000.000	-
DNTN TM Kim Phúc	748.535.478	-
Các Công ty khác	7.419.540.674	41.083.181.665
Cộng	<u>39.197.200.845</u>	<u>50.766.269.527</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Huỳnh Mạnh Thắng	490.000.000	-
Nguyễn Quốc Việt	147.000.000	-
Bộ phận xe khách Sài Gòn	5.425.002	1.196.991.000
Bộ phận xe khách Quy Nhơn	976.794.429	65.158.000
Bộ phận khách sạn Cendeluxe	50.678.000	182.920.450
Các khách hàng khác	98.573.928	261.466.700
Cộng	<u>1.768.471.359</u>	<u>1.706.536.150</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	7.117.292.887	-
Thuế TNCN	252.430.118	1.110.000
Thuế TNDN	16.051.850.080	7.248.059.643
Thuế tiêu thụ đặc biệt	169.115.715	14.193.317
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	82.836.994.848	-
Cộng	<u>106.427.683.648</u>	<u>7.263.362.960</u>

(*) Trình bày trên các khoản thuế phải thu và thuế GTGT được khấu trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất vận tải hành khách : 5%

Dịch vụ ăn uống : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.11)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau. Số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

18. Chi phí phải trả 65.330.251.238 46.263.755.521

19. Phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội	747.923.677	932.399.879
Kinh phí công đoàn	71.966.601	26.882.000
Phải trả tiền làm đường độc lập	1.896.062.065	1.896.062.065
Hàng gửi	1.005.828.000	-
Bộ phận khách sạn	120.907.328	-
Bộ phận xe khách Qui Nhơn	153.446.668	-
Bà Võ Thị Thanh	17.630.630.018	9.464.615.906
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	8.490.000.000	-
Các khoản khác	1.459.500.075	28.403.532.664
Cộng	<u>31.576.264.432</u>	<u>40.723.492.514</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Trả nợ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng Công Thương	8.365.200.000	1.140.000.000	5.305.200.000	4.200.000.000
Vay cá nhân	-	121.255.000.000	-	121.255.000.000
Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	461.952.000.000	98.700.000.000	12.337.000.000	548.315.000.000
Nợ thuế tài chính	60.206.350.716	1.203.240.200	11.469.038.680	49.940.552.236
Cty CP Địa ốc-DL Thuận Thảo	67.040.000.000	-	67.040.000.000	-
Cty CP Đầu tư-DL Thuận Thanh	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Cộng	<u>627.563.550.716</u>	<u>222.298.240.200</u>	<u>126.151.238.680</u>	<u>723.710.552.236</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

21. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	83.020.000.000	21.572.358.440	104.592.358.440
Tăng vốn trong kỳ (*)	207.000.000.000	-	207.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	48.183.682.441	48.183.682.441
Tăng khác	-	260.410.424	260.410.424
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	(22.049.032.701)	(22.049.032.701)
Số dư cuối kỳ	290.020.000.000	47.967.418.604	337.987.418.604

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.816.266.925	197.497.620.313
- Doanh thu bán bất động sản đầu tư	246.843.914.711	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu	206.486.874	212.022.987
- Doanh thu thuần	315.660.181.636	197.285.597.326

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.737.658.518	161.716.770.077
Giá vốn bất động sản đầu tư	182.739.741.087	-
Cộng	242.477.399.605	161.716.770.077

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	160.034.720	136.017.031
Cộng	160.034.720	136.017.031

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí trả lãi vay	25.693.236.450	33.865.109.621
Cộng	25.693.236.450	33.865.109.621

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	425.697.500	12.082.677.152
Chi phí công cụ dụng cụ	1.738.325.220	3.400.709.723
Chi phí khấu hao	3.144.974.652	5.924.020.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.203.954.509	12.192.663.002
Chi phí khác bằng tiền	735.165.215	1.532.161.036
Cộng	<u>11.248.117.096</u>	<u>35.132.231.336</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.178.823.431	4.368.350.961
Chi phí công cụ dụng cụ	2.346.115.305	253.786.077
Chi phí khấu hao	2.696.560.402	744.017.931
Thuế, phí lệ phí	43.127.182	2.731.422.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	463.993.684	6.343.263.532
Chi phí khác bằng tiền	2.137.906.759	2.051.595.030
Cộng	<u>9.866.526.763</u>	<u>16.492.435.678</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	5.087.272.726	29.446.835.871
Các khoản khác	1.164.222.190	5.637.411.647
Thu nhập do đánh giá tài sản khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	-	75.721.873.720
Cộng	<u>6.251.494.916</u>	<u>110.806.121.238</u>

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại tài sản thanh lý	5.521.129.431	252.422.370
Chi phí chuyển nhượng dự án Resort cho cty cổ phần Đầu tư-du lịch Thuận Thành		29.196.835.871
Các khoản khác	276.114.090	2.713.176.344
Cộng	<u>5.797.243.521</u>	<u>32.162.434.585</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 được lấy từ số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán – tư vấn Đất Việt.

